

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế học/Kinh tế năng lượng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ MINH THỐNG

2. Ngày tháng năm sinh: 06/10/1981; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 508, F8 Tập thể Dụng cụ cắt gọt, ngõ 328 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Căn hộ 2705, Tòa A1, Chung cư An Bình City, Khu đô thị thành phố Giao Lưu, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0983672005; E-mail: leminhthong@humg.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 02/2005 ÷ 02/2006: Giảng viên tập sự, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mở - Địa chất, Hà Nội.

- Từ 02/2006 ÷ 09/2013: Giảng viên, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mở - Địa chất, Hà Nội.

- Từ 10/2013 ÷ 09/2017: làm Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Grenoble Alpes, Cộng hòa Pháp.

- Từ 7/2015 ÷ 07/2017: Bí thư chi bộ Lưu học sinh thành phố Grenoble, Cộng hòa Pháp.

- Từ 10/2017 ÷ nay: Giảng viên, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mở - Địa chất, Hà Nội.

- Từ 11/2017 ÷ nay: Phó Trưởng Bộ môn Quản trị doanh nghiệp Địa chất – Dầu khí, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mở - Địa chất, Hà Nội.

- Từ 12/2019 ÷ 9/2022: Phó Bí thư Chi bộ Kinh tế 2, Đại học Mở - Địa chất, Hà Nội.

- Từ 9/2019 ÷ nay: Phó trưởng Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội.

- Từ 01/2020 ÷ nay: Phó Bí thư Đảng bộ Bộ phận Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay là Phó trưởng Bộ môn QTDN Địa chất – Dầu Khí, Phó Trưởng Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Phó Bí thư Đảng bộ Bộ phận Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Địa chỉ cơ quan: Số 18, phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: +84 24 3838 3603

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm: Chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 04 tháng 11 năm 2004; số hiệu bằng: C02609528; số vào sổ: 44-0679; ngành: Kinh tế - Quản trị doanh nghiệp Dầu khí; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Đại học thứ 2 ngày 10 tháng 08 năm 2005; số hiệu bằng: B466696; số vào sổ: 196/CQ/05; ngành: Tin học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Kỹ thuật quân sự, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 31 tháng 08 năm 2010; số hiệu: A004205; số vào sổ cấp bằng: 001489; ngành: Kinh tế công nghiệp; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 27 tháng 02 năm 2018; số hiệu: COMUGA 13198469; ngành: Khoa học kinh tế; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Grenoble Alpes, thành phố Grenoble, Cộng hòa Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Phát triển bền vững với sự ràng buộc lẫn nhau của 3 trụ cột gồm kinh tế, xã hội và môi trường là vấn đề có tính chất thời đại, thu hút sự quan tâm của các tổ chức quốc tế, các chính phủ và các nhà khoa học. Phát triển bền vững cần phải nghiên cứu trên những góc độ của các ngành khoa học khác nhau trong mỗi quan hệ liên kết chặt chẽ với nhau. Là một giảng viên công tác tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, nhận thức rõ rằng việc hoạt động khoáng sản và năng lượng có vai trò đặc biệt quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhưng cũng là lĩnh vực có ảnh hưởng trực tiếp đến xã hội và môi trường sinh thái. Phát triển bền vững phải được coi là yêu cầu xuyên suốt trong phát triển các hoạt động năng lượng và

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

khoáng sản. Vì vậy, hướng nghiên cứu chủ yếu của ứng viên tập trung vào các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững trong đó đi sâu vào hai hướng chính đó là:

- **Hướng nghiên cứu 1: Kinh tế năng lượng và chuyển dịch năng lượng**
- **Hướng nghiên cứu 2: Kinh tế trong hoạt động khoáng sản**

Các hoạt động nghiên cứu theo các hướng này của ứng viên đều có kết quả cụ thể được công bố trên các tạp chí khoa học, các hội thảo khoa học trong và ngoài nước. Đồng thời kết quả của các nghiên cứu này vừa là tài liệu tham khảo hữu ích cho các đối tượng quan tâm nhưng đồng thời cũng được sử dụng trong công tác đào tạo.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính **8** học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ Quản lý kinh tế và đã được cấp bằng Thạc sĩ;
- Đang hướng dẫn chính 01 NCS Đinh Thái Quang (Quyết định số 1328/QĐ-MĐC ngày 02/11/2022);
- Đang hướng dẫn chính **02** học viên cao học làm luận văn thạc sĩ Quản lý kinh tế (Quyết định số 960/QĐ-MĐC ngày 28/09/2022, và Quyết định số 998/QĐ-MĐC ngày 28/09/2022);
- Đã chủ trì hoàn thành **03** đề tài Nghiên cứu khoa học cấp cơ sở;
- Thành viên chính tham gia **02** đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Đã công bố **39** bài báo và báo cáo khoa học, trong đó:
 - + Có **06** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, trong đó **05** bài trong danh mục WoS (SCIE, SSCI) và **01** bài báo trong danh mục Scopus;
 - + Có **01** bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài, 01 bài được đăng trên trang web bách khoa toàn thư của nhà xuất bản MPDI (<https://encyclopedia.pub>).
 - + Có **20** bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước;
 - + Có **08** bài báo đăng trên Hội nghị khoa học quốc tế và trong nước.
 - + Có **03** bài đăng trên kỷ yếu hội nghị khoa học của Trường Đại học Mở - Địa chất

- Số lượng sách đã xuất bản gồm: **01** cuốn sách giáo trình và **01** sách chuyên khảo, **01** sách hướng dẫn tại nhà xuất bản có uy tín trong nước.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2017-2018 (Quyết định số 1111/MĐC-TĐKT ngày 15/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất).
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2018-2019 (Quyết định số 1099/QĐ-MĐC ngày 22/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất).
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2020-2021 (Quyết định số 668/QĐ-MĐC ngày 14/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất).
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021-2022 (Thông báo số 675/QĐ-MĐC ngày 08/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất).
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: “*Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021*” (Quyết định số 913/QĐ-BGDĐT ngày 01/04/2022);

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên đáp ứng đầy đủ các các tiêu chuẩn nhà giáo và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ của nhà giáo:

- Là một giảng viên đã có gần 19 năm gắn bó với công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác, bản thân ứng viên là người có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng tốt; được các thầy cô, các đồng nghiệp và các thế hệ sinh viên đánh giá cao. Bản thân tôi luôn thường xuyên học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác; tham gia các công tác và hoạt động của Nhà trường và của xã hội; tuân thủ pháp luật và thực hiện đúng các quy định của Nhà trường; Quan hệ hợp tác tốt với đồng nghiệp trong và ngoài trường để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học; giữ vững uy tín, phẩm chất, danh dự của nhà giáo, đối xử công bằng, công chính và đảm bảo các quyền lợi chính đáng của người học.

- Ứng viên được đào tạo chính quy từ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để giảng dạy, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo; biên soạn sách, giáo trình giảng dạy phù hợp với chuyên môn; hướng dẫn sinh viên, học viên hoàn thành công việc học tập và nghiên cứu khoa học; có năng lực đề xuất và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ; đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn vị trí của một người giảng viên và các vị trí công việc khác trong quá trình học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Trong quá trình học tập giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi luôn tích cực học tập nâng cao trình độ, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật các kiến thức mới để đáp ứng yêu cầu công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác.

- Tôi có sức khỏe đảm bảo theo yêu cầu để thực hiện các công tác giảng dạy nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác trong quá trình công tác.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 14 năm 02 tháng (không kể 01 năm hợp đồng, tập sự giảng dạy và 4 năm đi làm NCS ở Cộng hòa Pháp).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|---------------------------|---|------------------------------------|-----|---|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SDH | |
| 1 | 2017-2018 | 0 | 0 | 0 | 06 | 405 | 0 | 405/560,3/229,5 |
| 2 | 2018-2019 | 0 | 0 | 0 | 08 | 495 | 0 | 495/685/229,5 |
| 3 | 2019-2020 | 0 | 0 | 3 | 09 | 465 | 60 | 525/866/207,9 |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | | |
|---|-----------|---|---|---|----|-----|-----|---------------|
| 4 | 2020-2021 | 0 | 0 | 3 | 05 | 390 | 120 | 510/766,2/189 |
| 5 | 2021-2022 | 0 | 0 | 2 | 05 | 420 | 120 | 540/775,4/189 |
| 6 | 2022-2023 | 0 | 0 | 2 | 05 | 540 | 90 | 630/898,2/189 |

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận án TS tại CH Pháp (thời gian NCS từ năm 2013 đến 2017).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Aptis B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|-----------|-----------------------|-----------|------|-----------------------|-----|------------------------------------|-----------------------|---|
| | | NCS | HVCH | Chính | Phụ | | | |
| I | HƯỚNG DẪN NCS | | | | | | | |
| II | HƯỚNG DẪN HVCH | | | | | | | |
| 1 | Ngô Kim Thanh | | x | x | | 03/2019 ÷ 04/2020 | Trường ĐH Mỏ-Địa chất | Quyết định số 178/QĐ-MĐC ngày 23/03/2020 |
| 2 | Nguyễn Hoàng Việt | | x | x | | 03/2020 ÷ 10/2020 | Trường ĐH Mỏ-Địa chất | Quyết định số 138/QĐ-MĐC ngày 26/02/2021 |
| 3 | Ngô Xuân Vinh | | x | x | | 03/2020 ÷ 10/2020 | Trường ĐH Mỏ-Địa chất | Quyết định số 138/QĐ-MĐC ngày 26/02/2021 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | | |
|---|------------------|--|---|---|--|-------------------|-----------------------|---|
| 4 | Bùi Phú Thịnh | | x | x | | 09/2020 ÷ 05/2021 | Trường ĐH Mỏ-Địa chất | Quyết định số 1289/QĐ-MĐC ngày 20/12/2021 |
| 5 | Nguyễn Xuân Hùng | | x | x | | 09/2020 ÷ 05/2021 | Trường ĐH Mỏ-Địa chất | Quyết định số 1289/QĐ-MĐC ngày 20/12/2021 |
| 6 | Hoàng Hải Thanh | | x | x | | 03/2021 ÷ 11/2021 | Trường ĐH Mỏ-Địa chất | Quyết định số 551/QĐ-MĐC ngày 10/06/2022 |
| 7 | Nguyễn Hồng Anh | | x | x | | 09/2021 ÷ 05/2022 | Trường ĐH Mỏ-Địa chất | Quyết định số 21/QĐ-MĐC ngày 06/01/2023 |
| 8 | Lại Thị Thu Hằng | | x | x | | 09/2021 ÷ 05/2022 | Trường ĐH Mỏ-Địa chất | Quyết định số 21/QĐ-MĐC ngày 06/01/2023 |

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|-----------|--|----------------------------|--|------------|---------------|---|--|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | | | |
| | - | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | | | |
| 1 | Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (ISBN: 978-604-76-2461-4) | GT | Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, 2021. | 05 | Đồng chủ biên | Chương 3 (tr54-tr76); Chương 5 (tr99-tr116); | Giấy xác nhận số 436b/GXN-MĐC ngày 11/08/2022 |
| 2 | Tình huống Quản trị chiến lược (ISBN: 978-604-67-2392-9) | CK | NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2022. | 02 | Tham gia | Phần B (tr25-tr31), | Giấy xác nhận số 44/GXN-MĐC ngày 01/02/2023 |
| 3 | Sách hướng dẫn thực tập và viết luận văn tốt nghiệp (ISBN:978-604-76-2722-6) | HD | NXB Giao thông Vận tải, 2023 | 05 | Tham gia | Chương 4 (tr 17 – tr 27) | Quyết định số 239/QĐ-MĐC ngày 08/05/2023 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17- 56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|-----------|---|---------------------|--|---------------------|--|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | |
| 1 | ĐT: Nghiên cứu đánh giá kinh tế tổng hợp mỏ khoáng sản kim loại đen, lấy ví dụ cho mỏ Ilmenit Cây Châm – Thái Nguyên | Thành viên tham gia | B2006-02-16 Đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo | 05/2006 ÷ 05/2007 | 11/04/2008 Xếp loại: tốt (QĐ HĐNT số 1288/QĐ-BGDĐT, ngày 24/3/2008) |
| 2 | ĐT Nghiên cứu đề xuất chính sách thuế môi trường phù hợp nhằm bảo vệ tài nguyên môi trường trong khai thác than vùng Quảng Ninh | Thành viên tham gia | Mã số B2010-02-104 Đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo | 01/2010 – 12/2011 | 10/08/2012 Xếp loại: Khá (QĐ HĐNT số 2397/QĐ-BGDĐT, ngày 29/06/2012) |
| 3 | ĐT: Nghiên cứu hoàn thiện một số điều khoản tài chính trong hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí (PSC) tại Việt Nam. | CN | Đề tài KHCN cấp cơ sở Mã số: T12-50 (QĐ 395/QĐ-MĐC, ngày 17/4/2012) | 01/2012 – 12/2012 | 05/12/2012 Theo QĐ 1479/QĐ-MĐC ngày 3/12/2012 Xếp loại: Tốt |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | |
| 4 | ĐT: Đánh giá vai trò của khí tự nhiên trong quá trình chuyển dịch năng lượng ở khu vực Châu Á đến 2050 | CN | Đề tài KHCN cấp cơ sở Mã số: T18-14 (Quyết định số 781/QĐ-MĐC, 15/06/2018) | 06/2018 ÷ 06/2019 | 23/08/2019 Theo QĐ 1060/QĐ-MĐC ngày 19/08/2019 Xếp loại: Tốt |
| 5 | ĐT: Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thị trường khí hóa lỏng (LNG) ở Việt Nam hiện nay | CN | Đề tài KHCN cấp cơ sở Mã số: T21-34 | 01/2021 ÷ 12/2022 | 07/12/2022 Theo QĐ 1497/QĐ-MĐC ngày 25/11/2022) |

| | | | | | |
|--|--|--|---------------------------------------|--|---------------|
| | | | (Quyết định số 97/QĐ-MĐC, 27/01/2021) | | Xếp loại: Tốt |
|--|--|--|---------------------------------------|--|---------------|

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

| TT | Tên bài báo/ báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|--|---|------------|------------------|--|---|--|----------------------------|--------------------|
| I | TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS | | | | | | | |
| <i>Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục ISI (01 bài và là tác giả chính của bài báo)</i> | | | | | | | | |
| 1 | Unconventional gas development in Vietnam: opportunities and challenge doi: 10.1093/jwelb/jww038 Link bài báo : https://academic.oup.com/jwelb/article-abstract/10/1/14/2967731?redirectedFrom=fulltext | 01 | x | Journal of World Energy Law and Business ISSN: 1754-9957 (print) 1754-9965 (online) | SSCI, Q2 IF: 0,403 | - | Vol 10, Iss 1, pages 14-29 | 2-2017 |
| <i>Bài báo đăng trên Hội nghị khoa học quốc tế (02 bài, trong đó 02 bài là tác giả chính)</i> | | | | | | | | |
| 2 | The status of oil and gas engineering service operation in vietnam today, opportunities and challenges | 02 | x | Proceedings of the 1 st International Conference on Economic Management in Mineral Activities (EMMA 1), 8-9 November, 2013, Hanoi – Viet Nam. | - | - | tr553 - tr559 | 11-2013 |

| | | | | | | | | |
|---|--|----|---|---|---|---|----------------------|---------|
| | | | | (ISBN: 978-604-86-0277-2) | | | | |
| 3 | The shale gas revolution in the USA: results, challenges and lessons for the rest of the world | 03 | x | Proceedings of the 2 nd International Conference on Economic Management in Mineral Activities (EMMA 2), 14-15 November, 2015, Hanoi – Viet Nam. (ISBN: 978-604-86-6038-3) | - | - | tr312 - tr326 | 11-2015 |
| Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước (02 bài, trong đó 02 bài là tác giả chính) | | | | | | | | |
| 4 | Nên “phân chia sản phẩm” hay “phân chia giá trị” trong hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí ở Việt Nam. | 02 | x | Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất. (ISSN: 1859-1469) | - | - | Số 29, tr77-tr 81 | 01-2010 |
| 5 | Sự giống và khác nhau trong các điều khoản phân chia sản phẩm dầu khí trong hợp đồng PSC của một số quốc gia | 01 | x | Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất. (ISSN: 1859-1469) | - | - | Số 42, tr79-tr82 | 4-2013 |
| Bài báo đăng trên Hội nghị khoa học trong nước (3 bài, trong đó 03 bài là tác giả chính) | | | | | | | | |
| 6 | Tìm hiểu một số định hướng trong đầu tư tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí của Petrovietnam giai đoạn 2006-2010 | 02 | x | Hội Nghị Khoa học Trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ 17, 2006 | - | - | Quyển 1, tr271-tr274 | 11-2006 |
| 7 | Tìm hiểu các dạng hợp đồng dầu khí chủ yếu trong lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí và một số kiến nghị với Việt Nam | 01 | x | Hội Nghị Khoa học Trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ 18, 2008 | | | Quyển 7, tr57-tr61 | 11-2008 |
| 8 | Một số đề xuất hoàn thiện các điều khoản tài chính trong hợp đồng phân chia sản | 01 | x | Hội nghị khoa học Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội lần thứ 20, 2012 | | | Quyển 6, tr127-tr133 | 11-2012 |

| | | | | | | | | |
|---|---|----|---|---|-----------------------------|----|---|-------------|
| | phẩm dầu khí (PSC) tại Việt Nam | | | | | | | |
| II | SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS | | | | | | | |
| <i>Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục ISI (04 bài, trong đó 04 bài là tác giả chính và là tác giả liên hệ)</i> | | | | | | | | |
| 9 | An assessment of the potential for the development of the shale gas industry in countries outside of North America Doi: 10.1016/j.heliyon.2018. e00516 Link bài báo https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2405844017312549 | 01 | x | Heliyon (ISSN: 2405-8440) | SCIE; Q1 IF: 3,776 | 72 | Vol 4, Iss 2, e00516 | 2- 2018 |
| 10 | What prospects for shale gas in Asia? Case of shale gas in China Doi: 10.1093/jwelb/jwaa037 Link bài báo : https://academic.oup.com/jwelb/article-abstract/13/5-6/426/6102274 | 04 | x | Journal of World Energy Law and Business (EISSN 1754-9965) | SSCI; Q3 IF: 0,403 | 2 | Vol 13, Iss 5-6, pages 426- 440 | 01- 2021 |
| 11 | The competition possibility between renewable energy and fossil energy in Viet Nam in the future Doi: 10.1093/jwelb/jwab021 Link bài báo: https://academic.oup.com/jwelb/article- | 04 | x | Journal of World Energy Law and Business (EISSN 1754-9965) | SSCI; Q3 IF: 0,403 | 3 | Vol 14, Iss 3, pages 215- 228 | 05- 2021 |

| | | | | | | | | |
|--|--|----|---|---|-----------------------------|---|---|-------------|
| | abstract/14/3/215/627 3109 | | | | | | | |
| 12 | The development of natural gas in Asia—the results of the forecast scenarios of the POLES model Doi:10.1093/jwelb/jwac024 Link bài báo: https://academic.oup.com/jwelb/article-abstract/15/5/409/6665824 | 01 | x | Journal of World Energy Law and Business (EISSN 1754-9965) | SSCI; Q3 IF: 0,403 | - | Vol 15, Iss 5, pages 409– 416 | 10- 2022 |
| <i>Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục Scopus (01 bài)</i> | | | | | | | | |
| 13 | Managerial Issues Regarding the Role of Natural Gas in the Transition of Energy and the Impact of Natural Gas Consumption on the GDP of Selected Countries Doi: 10.3390/resources11050042 https://www.mdpi.com/2079-9276/11/5/42 | 05 | | Resources (ISSN: 2079-9276) | Scopus ; ESCI Q2 | 5 | Vol 14, Iss 5 | 04- 2022 |
| <i>Bài báo đăng trên trang tạp chí khoa học quốc tế và trang Web nước ngoài</i> | | | | | | | | |
| 14 | Can natural gas play an important role in the energy transition in Asia in the future? DOI: 10.15604/ejbm.2019.07.04.004 Link bài báo: https://eurasianpublications.com/eurasian-journal-of-business-and- | 05 | x | Eurasian Journal of Business and Management (ISSN: 2148-0206); | | 3 | Vol 7, Iss 4, 28-36 | 12- 2019 |

| | | | | | | | | |
|---|--|----|---|--|---|---|---------|---------|
| | <i>management/current-past-issues/vol-7-no-4/</i> | | | | | | | |
| 15 | Natural Gas in the Transition of Energy <i>https://encyclopedia.pub/entry/22662</i> | 04 | | Web: Scholarly Community Encyclopedia | | | | 12-2022 |
| Bài báo đăng trên Hội nghị khoa học quốc tế (04 bài, trong đó 01 bài là tác giả chính) | | | | | | | | |
| 16 | Applying the framework for extractive industries governance in Asean for solid mineral resources management in Vietnam | 04 | | Proceedings of the 4 th International Conference on Economic Management in Mineral Activities (EMMA 4), 14-15 November, 2018, Hanoi – Viet Nam. (ISBN: 978-604-913-774-7) | - | - | 94-100 | 11-2018 |
| 17 | The role of natural gas in the energy transition in Asia | 01 | x | Proceedings of the 4 th International Conference on Economic Management in Mineral Activities (EMMA 4), 14-15 November, 2018, Hanoi – Viet Nam. (ISBN: 978-604-913-774-7) | - | - | 349-354 | 11-2018 |
| 18 | Challenges from forest restoration of mining waste sites in the world and lessons for the Vietnamese mining industry | 05 | | Proceedings of the 6 th International Conference on Economic Management in Mineral Activities (EMMA 6), 28-29 March, 2022, Hanoi – Viet Nam. (ISBN: 978-604-357-013-7) | | - | 75-84 | 03-2022 |

| | | | | | | | | |
|---|---|----|---|--|--|---|-----------------------------|---------|
| 19 | The current competitiveness situation of Nghi Son economic zone in Thanh Hoa province and several recommendations | 03 | | Proceedings of the 6 th International Conference on Economic Management in Mineral Activities (EMMA 6), 28-29 March, 2022, Hanoi – Viet Nam. (ISBN: 978-604-357-013-7) | | - | 340-346 | 03-2022 |
| Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước (18 bài, trong đó 11 bài là tác giả chính) | | | | | | | | |
| 20 | Sự phát triển của thị trường khí tự nhiên trên thế giới - Cơ hội cho các quốc gia châu Á trong quá trình chuyển dịch năng lượng | 1 | X | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866 -7756) | | - | Số 6, 151-157 | 04-2019 |
| 21 | Cung – cầu khí tự nhiên và vai trò của khí phi truyền thống trong quá trình chuyển đổi năng lượng | 8 | X | Tạp chí Dầu khí (ISSN 0866-854X) | | - | Số 9 45-50 | 2019 |
| 22 | Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái ở các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa: Thực trạng và giải pháp. | 2 | X | Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (ISSN 0868 – 3808) | | - | Số 567, 28-30 | 06-2020 |
| 23 | Tổng quan về các mô hình dự báo năng lượng – khả năng áp dụng mô hình dự báo POLES cho Việt Nam trong bối cảnh hiện nay http://tapchi.hung.edu.vn/vi/archives?article=1299 DOI:10.46326/JMES.KTQTKD2020.16 | 1 | X | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất. (ISSN: 1859-1469) | | 2 | Tập 61, Kỳ 5, 116-124 | 10-2020 |
| 24 | Một số giải pháp cho thị trường lao động Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 | 1 | X | Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương | | - | Số cuối tháng tr36-38 | 12-2020 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|--|---|-----------------------------------|-------------|--|
| | | | | (ISSN 0868 – 3808) | | | | |
| 25 | Khả năng cạnh tranh của nhiệt điện khí so với nhiệt điện than ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay | 1 | X | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866 -7756) | - | Số 19, 84-89 | 08- 2021 | |
| 26 | Thực trạng tình hình tài chính của các công ty cổ phần khai thác than trên thị trường chứng khoán Việt Nam | 2 | X | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866 -7756) | - | Số 21, 260- 267 | 09- 2021 | |
| 27 | Phát triển văn hóa doanh nghiệp phù hợp với định hướng phát triển doanh nghiệp trong tương lai tại Tổng công ty Đông Bắc | 3 | | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN 0868 – 3808) | - | Số 601, 63-65 | 11- 2021 | |
| 28 | Những thách thức trong việc phát triển chuỗi giá trị tre luồng tỉnh Thanh Hóa | 3 | | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866 -7756) | - | Số 1, 102- 106 | 01- 2023 | |
| 29 | Phát triển thị trường khí tự nhiên hóa lỏng ở Việt Nam | 3 | X | Tạp chí Kinh tế và Dự báo. (ISSN: 1859-4972) | - | Số 05, 36-39 | 02- 2023 | |
| 30 | Phân tích kết quả kinh doanh của các hộ dẫn trong chuỗi giá trị chè sạch tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La | 2 | | Tạp chí Kinh tế và Dự báo. (ISSN: 1859-4972) | | Số 06, 77-80 | 02- 2023 | |
| 31 | Phân tích chuỗi giá trị măng sặt tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái | 4 | | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN 0868 – 3808) | | Số 628+ 629 Tr 62- 64 | 02- 2023 | |
| 32 | Thuận lợi và khó khăn trong phát triển khí thiên nhiên hóa lỏng ở Việt Nam hiện nay | 2 | X | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN 0868 – 3808) | | Số 630 Tr 4-6 | 3- 2023 | |

| | | | | | | | |
|--|---|---|---|--|---|---------------------------------|--------------|
| 33 | Phát triển du lịch tỉnh Lạng Sơn | 2 | | Tạp chí Kinh tế và Dự báo. (ISSN: 1859-4972) | - | Số 08, 85-88 | 03- 2023 |
| 34 | Đánh giá năng lực cạnh tranh của Khu kinh tế Nghi Sơn so với các khu kinh tế trong và ngoài nước | 2 | | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN 0868 – 3808) | | Số 631 Tr 28- 30 | 3- 2023 |
| 35 | Phân cấp quản lý tài nguyên khoáng sản: Kinh nghiệm thế giới và bài học tham khảo đối với Việt Nam https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/827253/phan-cap-quan-ly-tai-nguyen-khoang-san--kinh-nghiem-the-gioi-va-bai-hoc-tham-khao-doi-voi-viet-nam.aspx | 4 | | Tạp chí Cộng Sản (ISSN: 2734-9071) Online | | | 04- 2023 |
| 36 | Năng lực cạnh tranh của khu kinh tế Nghi Sơn, Thanh Hóa | 2 | X | Tạp chí Những vấn đề Kinh tế & Chính trị thế giới (ISSN: 0868-2984) | | Số 5 (325) Tr65 – tr76 | 05- 2023 |
| 37 | Giải pháp giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 2 | X | Tạp chí Kinh tế và dự báo. (ISSN: 1859-4972) | | Số 16 Tr94 - 97 | 06 - 2023 |
| Bài báo đăng trên Hội nghị khoa học trong nước (02 bài, trong đó 01 bài là tác giả chính) | | | | | | | |
| 38 | Chuỗi giá trị tre luồng tại tỉnh Thanh Hóa | 4 | | Tuyển tập công trình nghiên cứu về “Chuỗi giá trị thương mại ngành hàng nông lâm sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khủng hoảng sinh thái”. | | tr1048- tr1067 | 04/ 2022 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|--|---|-----------------|-------------|--|
| | | | | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội ISBN: 978-604-369-407-9 | | | | |
| 39 | Phát triển năng lượng bền vững đảm bảo sự phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam hiện nay | 2 | x | Hội thảo khoa học quốc gia: “Khoa học xã hội với phát triển bền vững – Việt Nam trong tiến trình đổi mới, hội nhập, phát triển” (SSSD 2022). ISBN 978-604-76-2616-8 | - | tr229- tr236 | 11/ 2022 | |

- Trong đó: Số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **5 bài**, trong đó có **01 bài SCIE** là tác giả chính và tác giả liên hệ (số thứ tự 09) **03 bài SSCI** đều là tác giả chính và tác giả liên hệ (số thứ tự 10,11,12), **01 bài nằm trong danh mục Scopus** (số thứ tự 13).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT | Tên bài báo/ báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----|---------------------------------|------------|------------------|---|---|----------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----|--|-----------------|--------------------|--------------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |

| | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|
| ... | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không có

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Là giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Quản trị doanh nghiệp Địa chất – Dầu khí, và sau này là Phó trưởng Khoa, Phó Bí thư Đảng bộ bộ phận Khoa Kinh tế -QTKD, tôi đã chủ trì/tham gia xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế của Trường Đại học Mở - Địa chất. Cụ thể như sau:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|---|--------------------------------|--|---|--|-------------------------------|
| 1 | Ngành Quản trị kinh doanh (7340101) | Ủy viên, Thư ký | Quyết định số: 790/QĐ-MĐC ngày 18/6/2018 và kiện toàn theo QĐ 613/QĐ-MĐC ngày 17/5/2019. | Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội | Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo Ngành Quản trị Kinh doanh trình độ Đại học, Ngày 14/10/2019. | Tự đánh giá CTĐT (Hoàn thành) |
| | | Trưởng ban thư ký | Quyết định số: 791/QĐ-MĐC ngày 18/06/2018. Kiện toàn theo QĐ 614/QĐ-MĐC ngày 17/5/2019 | | | |

| | | | | | | |
|---|---|--------------------------|--|---|--|-------------------------------|
| 2 | Ngành Kế toán (7340301) | Ủy viên | Quyết định số: 784/QĐ-MĐC ngày 18/06/2018 và kiện toàn theo QĐ 620/QĐ-MĐC ngày 17/5/2019 | Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội | Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo Ngành Kế toán trình độ Đại học, Ngày 14/10/2019. | Tự đánh giá CTĐT (Hoàn thành) |
| 3 | Chuyên ngành Quản trị Marketing – Truyền thông (7340101-05) | Thành viên chính, Thư ký | Quyết định số: 826/QĐ-MĐC ngày 16/12/2019 ; QĐ 848/QĐ-MĐC ngày 20/12/2019 và QĐ 123/QĐ-MĐC ngày 20/01/2020 | Trường Đại học Mở - Địa chất | Quyết định cho phép đào tạo chuyên ngành : số 906/QĐ-MĐC ngày 20/10/2021 | Xây dựng CTĐT (Hoàn thành) |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Lê Minh Thống